

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 14/3/2023

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Dương Triết Minh;

2. Ông Phan Minh Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** **Chị NĐ**, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: B, N, tổ ..., khu vực 2, phường T, quận BT, thành phố C. Có mặt.

**\* Bị đơn:** **Anh BĐ**, sinh năm 19xx;

Địa chỉ: số xx, ấp P, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị NĐ trình bày như sau:** Chị và anh BĐ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, lần thứ nhất của BĐ và lần thứ hai của

chị. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 01/11/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình trái ngược nhau. Cuối năm 2021, BĐ bắt đầu đi làm tại Bình Dương và từ đó không thường xuyên liên lạc về nhà, dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Thời gian qua, BĐ không còn quan tâm chăm sóc chị và con, cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh BĐ; Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên C1, sinh ngày 12/4/2019 và C2, sinh ngày 30/3/2021, hiện nay đang sống với ông bà nội và BĐ. Nếu được ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung cho BĐ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ BĐ đến để tiến hành hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng BĐ vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật theo Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên: Về hôn nhân: NĐ được ly hôn BĐ. Về con chung: Giao 02 con chung C1, sinh ngày 12/4/2019 và C2, sinh ngày 30/3/2021 cho BĐ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; NĐ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/ cháu. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. NĐ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh BĐ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt BĐ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: NĐ và BĐ kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 01/11/2019 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, NĐ xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, NĐ trình bày do tính tình trái ngược nhau nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cuối năm 2021, BĐ bắt đầu đi làm tại Bình Dương và từ đó không thường xuyên liên lạc về nhà, dần dần tình cảm vợ chồng bắt đầu không còn. Thời gian ly thân, BĐ không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc chị, cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập BĐ để tham gia phiên hòa giải nhưng BĐ cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của NĐ thể hiện BĐ không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa NĐ và BĐ thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của NĐ được ly hôn với BĐ.

[2.2] Về con chung:

NĐ xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung tên C1, sinh ngày 12/4/2019 và C2, sinh ngày 30/3/2021, hiện nay đang sống với ông bà nội và BĐ. Sau ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung cho BĐ được chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu C1 và cháu C2 hiện nay đang sống với ông bà nội và BĐ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của hai cháu C1 và cháu C2, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, HĐXX giao hai cháu C1 và cháu C2 cho BĐ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy BĐ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng NĐ tự nguyện cấp

dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000đồng/ tháng đến khi con chung trưởng thành. Sự tự nguyện của NĐ phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nghị cần công nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. BĐ phải tạo điều kiện cho NĐ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: NĐ không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa NĐ và BĐ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] NĐ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí NĐ đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NĐ.

- Về hôn nhân: Chị NĐ được ly hôn với anh BĐ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 01/11/2019 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho chị NĐ và anh BĐ không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên C1, sinh ngày 12/4/2019 và C2, sinh ngày 30/3/2021 cho BĐ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

NĐ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu C1 mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng) và nuôi cháu C2 mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Việc cấp dưỡng được bắt đầu thực hiện từ ngày 15/4/2023 đến khi cháu C1 và cháu C2 trưởng thành đủ 18 tuổi.

NĐ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: NĐ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa NĐ và BĐ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm: Chị NĐ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011380 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. NĐ còn phải nộp thêm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh BĐ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. BĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Định Mỹ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS;

**Mai Thị Vân**